

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK21+P8+CTK3	7:25	4+18+0	0+0+0		4+15+3	0+0+0	
2		BK19+TTC1+P11	7:25	6+11+0	0+0+0		4+12+6	0+0+0	
3		P6+BK15	7:25	12+9	0+0		11+11	0+0	
4		RP3+CIO+TD3	9:25	10+0+8	0+0+0		0+6+9	0+0+0	
5		BK5+TTC3+TTC2	9:25	8+7+4	0+0+0		2+8+10	0+0+0	
6		RC4+P9+P8	9:25	5+0+17	0+0+0		0+3+19	0+0+0	CHUYEN 2 P9-P8
7		P6+BK19+TD5	11:25	15+0+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY p8-1NG, bk19-3NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2024	TO: BK19 - TTC1 - P11	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG -	ETA: 09:25
CAM-1		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ MINH TOÀN	BK19	77-78	2	15			110	KH-THAC	Vietnamese
2	HA XUÂN THANH	BK19	90	1	7			107	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN SĨ TOÀN	BK19				1	15	76	D-HANH	Vietnamese
4	SHEREMETIEV A.V.	BK19						81	D-HANH	Russian
5	NGUYỄN LƯU VŨ	BK19						70	ANTOAN	Vietnamese
6	ĐÀO XUÂN THỌ	BK19	76	1	5			70	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TTC1	69	1	4			47	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐẠI THANH	TTC1	63	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HUY	TTC1	66	1	13			84	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	58	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ XUÂN QUY	TTC1	64	1	10	1	18	98	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN MÃN PHÚC	TTC1	59-60	2	17	4	25	63	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1	65	1	5			73	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG DUNG	TTC1	68	1	5			70	XAY LAP	Vietnamese
15	TRAN VAN SU	TTC1	70	1	5	2	17	89	XAY LAP	Vietnamese
16	TRAN QUY HIEU	TTC1	61-62	2	9			74	XAY LAP	Vietnamese
17	DUONG BUU LAM	TTC1	67	1	17			62	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK19	6	514	4	27	1	15	4		
2	TTC1	11	797	13	98	7	60	12		
3	P11	0	0	0	0	4	68	6		
TOTAL		17	1.311	17	125	12	143	22		
WEIGHT KG			1.311		125		143			

GRAND TOAL: 1.579 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2024	TO: BK21 - P8 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - VU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE TRI HAO	BK21						70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DINH LUC	BK21	18	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG VAN CUONG	BK21	19	1	9	3	50	78	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN TRUNG TUONG	BK21	49	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
5	SADOVNICHENKO DMITRII	P8	79	1	12			104	KHOAN	Rus
6	LAZAREV A	P8	80	1	6			82	KH-THAC	Russian
7	TRAN VAN QUE	P8	25	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NIKITIN NIKOLAI	P8						91	ANTOAN	Russian
9	NGUYEN DOAN DUC	P8	12	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VIET THI	P8	16-17	2	13			65	THIEN NAM	Vietnamese
11	VU XUAN THANH	P8	26	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG HOA	P8	13	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN BAC	P8	18	1	4	5	35	66	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM KHAC DOAN	P8	20	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
15	DUONG TRI NAM	P8	15	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM TU ANH	P8	13	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO TIEN DAT	P8	50	1	15			80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUC THANG	P8	21	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI TRUNG BINH	P8	19	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRI HUNG	P8	22	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI QUAN	P8	27	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN QUANG HUY	P8	23-24	2	11			60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK21	4	304	3	26	3	50	4		
2	P8	18	1.347	19	138	5	35	15		
3	CTK3	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	1.651	22	164	8	85	22		
WEIGHT KG			1.651		164		85			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2024		TO: P6 - BK15				AIRCRAFT: 406			ETD: 07:40		
FLIGHT: 03		FROM: VT				CREW: VTHẮNG - HTRUNG -			ETA: 09:30		
VANG-1						QTRƯỜNG					
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	CHERNHIAVSKI		P6	81	1	10			115	KH-THAC	Russian
2	PIATOV S.		P6	80	1	14			100	KH-THAC	Russian
3	VU VAN HOAN		P6	85	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DINH HOAN		P6	78	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẠO MẠNH HUY		P6	79	1	8	1	12	80	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ XUÂN QUY		P6	76-77	2	10			75	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DUY ANH		P6	83	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
8	HA DUY ĐÔNG		P6						90	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TIEN DUNG		P6	84	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH HOAI NAM		P6	73-74	2	20			87	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU NHAN		P6						75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG THỌ TAM		P6	82	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN CHUÔNG		BK15	98	1	15	4	80	62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUU HAU		BK15	93-94	2	12			90	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN QUANG HOÀNG		BK15	96	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU TIẾN THANH		BK15	97	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG HUY		BK15	91-92	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CHÍ CÔNG		BK15	95	1	5	2	16	91	KH-THAC	Vietnamese
19	VU HUU CHINH		BK15						65	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG THAI ANH		BK15	99	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN PHUONG		BK15	90	1	5			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	12	1.004	12	92	1	12	11		
2	BK15	9	664	10	64	6	96	11		
TOTAL		21	1.668	22	156	7	108	22		
WEIGHT KG			1.668		156		108			

GRAND TOAL: 1.932 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2024		TO: RP3 - TD3 - CLO - P1				AIRCRAFT: 410			ETD: 09:50		
FLIGHT: 04		FROM: VT				CREW: HÙNG - N.ANH - VŨ			ETA: 11:40		
XANH-2											
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	HOANG HUY HIEU		RP3	22	1	6	2	14	56	KHI	Vietnamese
2	LUONG NGOC TAN		RP3	20-21	2	16			68	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG DUNG		RP3	25	1	6			76	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN DINH HUNG		RP3	18-19	2	9			77	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN KHAI		RP3	26	1	5			56	KHI	Vietnamese
6	CAO VAN HIEN		RP3	27	1	4			60	KHI	Vietnamese
7	DUONG VIET LINH		RP3	14-15	2	17			75	KHI	Vietnamese
8	HUYNH MINH SANG		RP3	28	1	10			77	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC HUNG		RP3	16	1	7			65	KHI	Vietnamese
10	HUYNH QUANG NHAT		RP3	17	1	6			70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH SÙNG		TD3	44	1	8	8	140	70	SEAMAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH SAO		TD3	42	1	6			67	SEAMAP	Vietnamese
13	KARAVKA IVAN		TD3	36	1	11			112	KHOAN	Russian
14	KOSHELEV PAVEL		TD3	41	1	5			89	KHOAN	Russian
15	NGUYỄN VĂN HÙNG		TD3	37	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG HUY LONG		TD3	38-39	2	11			65	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN HUYNH LAM		TD3	35	1	13			78	KHOAN	Vietnamese
18	SEREBROV IGOR		TD3	40	1	11			80	VTB	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	10	680	13	86	2	14	0		
2	TD3	8	638	9	71	8	140	9		
3	CLO	0	0	0	0	1	3	6		
4	P1	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		18	1.318	22	157	11	157	19		
WEIGHT KG			1.318		157		157			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2024	TO: BK5 - TTC3 - TTC2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:59
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VTHANG - HTRUNG -	ETA: 11:50
VANG-2		QTRUONG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VAN VO THIEN	BK5	68	1	12	2	34	61	SINH HUNG	Vietnamese
2	TRUONG VAN THUAN	BK5	54	1	5			66	SINH HUNG	Vietnamese
3	NGUYEN MANH HIEN	BK5	63-64	2	19	3	38	81	XAYLAP	Vietnamese
4	TRUONG TAN LOI	BK5	52-53	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SANG	BK5	55-56	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese
6	DO MANH HUNG	BK5	60-62	3	17			62	XAYLAP	Vietnamese
7	LE CONG CHINH	BK5	57	1	7			74	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN THAI QUAN	BK5	58-59	2	16			56	XAYLAP	Vietnamese
9	DAO DUC THAI	TTC3	72	1	17			92	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SOAI	TTC3	63	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU DUC HUNG	TTC3	70	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI TIEN THANH	TTC3	64,77	2	11			85	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NHAN	TTC3	71	1	10			59	KH-THAC	Vietnamese
14	TO TIEN DUNG	TTC3	66-68	3	18			75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH TRUONG	TTC3	69	1	6			70	PSV	Vietnamese
16	PHUNG MINH HIEU	TTC2	42	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
17	LUU VAN AN	TTC2	39	1	3	2	35	62	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VAN TUAN	TTC2						53	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG THAI LONG	TTC2	08	1	6			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK5	8	545	14	109	5	72	2		
2	TTC3	7	520	10	77	0	0	8		
3	TTC2	4	245	3	14	2	35	10		
TOTAL		19	1.310	27	200	7	107	20		
WEIGHT KG			1.310		200		107			

GRAND TOAL: 1.617 KGS

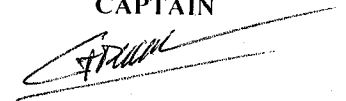
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2024	TO: RC4 - P9 - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG -	ETA: 11:45
CAM-2		NNAM	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG VAN HIEN	RC4	61	1	20	2	25	61	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN DANH HANH	RC4	62	1	11			68	XAYLAP	Vietnamese
3	DOAN QUANG TRUNG	RC4	57-58	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN DINH HUNG	RC4	55-56	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN DANG TUYEN	RC4	59	1	10	1	15	70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VINH DUNG	P8	36	1	7	1	18	73	KH-THAC	Vietnamese
7	DINH DUC TRUNG	P8	34	1	10			94	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG VAN TUNG	P8						65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HOANG GIANG	P8	734	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
10	LE QUANG THANG	P8	33	1	10			59	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG PHUC HUNG	P8	37	1	10	1	15	90	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN KHIEM HIEU	P8	45	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HUY	P8	30	1	11			59	XAYLAP	Vietnamese
14	HAN CONG VIEN	P8	42	1	20	1	12	76	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC TUAN	P8	28-29	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
16	VU DUC TUNG	P8	26-27	2	11			77	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN THANH BINH	P8	31	1	3	1	7	74	PSV	Vietnamese
18	LE DUC THUAN	P8	41	1	5			50	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THAO	P8	40	1	10			80	PSV	Vietnamese
20	LO TRUONG GIANG	P8	32	1	4			83	PSV	Vietnamese
21	DOAN CHI TAI	P8	35	1	5			80	PSV	Vietnamese
22	HA DUC THANH	P8	44	1	8			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC4	5	329	7	80	3	40	0		
2	P9	0	0	0	0	2	30	3+2		CHUYEN 2 PAX P9-P8
3	P8	17	1.227	18	138	4	52	19		
TOTAL		22	1.556	25	218	9	122	22		
WEIGHT KG			1.556		218		122			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2024	TO: P6 - BK19 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: CHIÊN - M.ĐỨC - HUY	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN HUY THAI	P6	46	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HIỆP	P6	45	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN SAU	P6	47	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẠO NGUYỄN HUNG	P6	42	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN KHANH	P6	50	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO KIM SÂM	P6	48	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH CHUNG	P6	49	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG HUY	P6	51	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HỒNG GIANG	P6	38-39	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ THẾ HOÀNG	P6	53-54	2	18	4	70	71	T-TIN	Vietnamese
11	LÊ HỮU NGHĨA	P6	52	1	11	3	25	62	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG THANH	P6	44	1	7			69	PSV	Vietnamese
13	DƯƠNG VĂN TUÂN	P6	41	1	7			62	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY CANH	P6	40	1	5			57	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG HUY	P6	43	1	7			89	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	15	1.052	17	109	7	95	15		
2	BK19	0	0	0	0	0	0	4		
3	P10	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		15	1.052	17	109	7	95	20		
WEIGHT KG			1.052		109		95			

GRAND TOAL: 1.256 KGS

VSP REP.

[Signature]

VNH REP.

[Signature]

CAPTAIN

[Signature]

Lưu VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RP3	7:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
2		TD1+P5+PPD	7:25	17+0+5	0+0+0		11+0+11	0+0+0	CHUYEN 2 TD1-P5
3		VSP01+P4	7:25	14+0+8	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
4		PPD+BK8	9:25	20+1	0+0		16+6	0+0	
5		RP3+CLO+PPD	9:25	19+3+0	0+0+0		6+3+8	0+0+0	
6		AMD+TGTH4	9:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
7		T.UNG	11:25	17	0		19	0	
8		AMD+P4	11:25	10+12	0+0		1+18	0+0	
9		VSP01	13:25	22	0		22	0	

TTBĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ đi về trong ngày-CLO- 1 ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2024	TO: CLO - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: NAM - NPHÚ - NNAM	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO	39-40	2	10			74	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ THÈ NÀNG	CLO	44	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	50	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	CLO	47	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VĂN BÓN	CLO	53	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
6	VLASOV ALEKSANDR	CLO	46	1	7			94	KHOAN	Russian
7	NGÔ VĂN BÁC	CLO	45	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN LONG	CLO	52	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
9	TARGANOV GENNADI	CLO						92	ANTOAN	Russian
10	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	54	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
11	TRƯƠNG VĂN THỌ	CLO	42	1	5	1	15	75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN THUỖNG VŨ	CLO	43	1	11			87	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	CLO	48-49	2	13			75	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM NAM HẢI	CLO	51	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ ANH HIỂU	CLO	37-38	2	20			55	SCHLUMBE	Vietnamese
16	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	42-43	2	9			65	KHI	Vietnamese
17	TRẦN VĂN SEN	RP3	34	1	7			65	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	31	1	6	6	110	56	KHI	Vietnamese
19	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	35	1	7			76	KHI	Vietnamese
20	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	32	1	3			64	KHI	Vietnamese
21	HÀ THÈ BAO	RP3	33	1	3			70	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	30	1	8			75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	15	1.100	17	106	1	15	15		
2	RP3	7	471	8	43	6	110	7		
TOTAL		22	1.571	25	149	7	125	22		
WEIGHT KG			1.571		149		125			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2024		TO: TD1 - P5 - PPD				AIRCRAFT: 406				ETD: 07:35	
FLIGHT: 02		FROM: VT				CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - HIẾU				ETA: 09:25	
CAM - 1											
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	NGUYEN NHU BANG		TD1	08	1	4			57	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HIEU		TD1	01,16	2	10			85	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DANH QUY		TD1						75	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN DUY		TD1	15	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN HOAN		TD1	06	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM MINH THANG		TD1	14	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
7	UVAYSOV ABDULAKHI		TD1				3	50	112	KHOAN	Russian
8	VU DUC TOAN		TD1	03	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN MINH HOANG		TD1	12	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH CAO TRONG		TD1	11	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
11	LE BA CHIEN		TD1	09-10	2	13			77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG CUONG		TD1	07	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
13	LE VIET THANH		TD1	08,05	2	10			74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DUC THINH		TD1	13	1	9			78	KHOAN	Vietnamese
15	DAO AN TUAN		TD1	02	1	10			52	XAYLAP	Vietnamese
16	NGO TRUNG KIEN		TD1	68-69	2	17	3	39	78	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN HUU TRUONG		TD1	70-71	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
18	GALLIAMOV I.M		PPD	49-50	2	5			72	KH-THAC	Russian
19	DINH THE QUAN		PPD	46	1	4			67	KHI	Vietnamese
20	PHAN VAN TUNG		PPD	47	1	12			74	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN NAM		PPD	48	1	7			62	KHI	Vietnamese
22	TRAN VAN DUNG		PPD				1	15	80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	17	1.275	20	133	6	89	11	CHUYEN 2 TD1 - P5	
2	P5	0	0	0	0	1	5	0		
3	PPD	5	355	5	28	1	15	11		
TOTAL		22	1.630	25	161	8	109	22		
WEIGHT KG			1.630		161		109			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2024	TO: VSP01 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTRUNG -	ETA: 09:30
VANG-I		DTUNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU QUANG THANH	VSP01	66	1	5			70	YTE	Vietnamese
2	BORVYNSKY A.	VSP01	72	1	7			91	KH-THAC	Russian
3	TRUBOCHKIN A.	VSP01	65	1	8			78	KH-THAC	Russian
4	HUYNH KIM KHANH	VSP01	69	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HOANG THANH	VSP01	67-68	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN HAI HA	VSP01	74-75	2	10			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC THIEN	VSP01	70	1	5	5	90	65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG DUC ANH	VSP01						67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NAM SINH	VSP01	73	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN CHAU	VSP01	64	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TUYEN	VSP01	78	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH TIEN BINH	VSP01	71	1	5			98	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN THUY	VSP01						67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	76-77	2	8			72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM THE TRUONG	P4	27	1	5			75	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN DANG TUAN	P4	33	1	4			70	KHI	Vietnamese
17	DINH NGOC QUY	P4	28	1	2			76	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TRUNG	P4	34	1	5			70	KHI	Vietnamese
19	PHAM TRAI	P4	31	1	4			59	KHI	Vietnamese
20	TA XUAN HIEU	P4	32	1	5			66	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN HUU LUAN	P4	25-26	2	6			75	KHI	Vietnamese
22	PHAN HONG TAM	P4	29-30	2	10			59	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	14	1.029	15	78	5	90	11		
2	P4	8	550	10	41	0	0	11		
TOTAL		22	1.579	25	119	5	90	22		
WEIGHT KG			1.579		119		90			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2024	TO: PPD - BK8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: NAM - NPHÚ - NNAM	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐO NGOC TÂN	PPD	33	1	7			70	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TA	PPD	34	1	2			70	KHI	Vietnamese
3	TRAN LE RANG	PPD	28	1	5			78	KHI	Vietnamese
4	PHAM TAI	PPD	38	1	11			74	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN HUU HAO	PPD	51	1	4			78	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	25	1	3			69	KHI	Vietnamese
7	KOLESNIK A.Y	PPD	44	1	8			100	KHI	Russian
8	LE MINH PHUNG	PPD	26	1	4			77	KHI	Vietnamese
9	CHU MINH PHUONG	PPD	24	1	5			83	KHI	Vietnamese
10	BUI THANH	PPD	39	1	5			63	KHI	Vietnamese
11	LE ANH TUAN	PPD	32	1	17			62	KH-THAC	Vietnamese
12	DO VAN THANH	PPD	27	1	5			83	KHI	Vietnamese
13	PHAM HAI QUANG	PPD	70	1	7			70	KHI	Vietnamese
14	VU MANH HUNG	PPD	36	1	4	1	8	72	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	PPD	34-35	2	15			83	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN DUC HOA	PPD	42	1	6			70	KHI	Vietnamese
17	TRINH CONG BINH	PPD	41	1	10			62	KHI	Vietnamese
18	LE QUANG NINH	PPD						66	KHI	Vietnamese
19	TRAN QUANG PHU	PPD	22-23	2	10			61	KHI	Vietnamese
20	BINH TUNG LAM	PPD	31	1	7	2	18	67	T-TIN	Vietnamese
21	DO TRONG LUONG	BK8	97-98	2	20	4	70	62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	20	1.458	21	135	3	26	16		
2	BK8	1	62	2	20	4	70	6		
TOTAL		21	1.520	23	155	7	96	22		
WEIGHT KG			1.520		155		96			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2024	TO: RP3 - CLO - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PANKRATOV R.	RP3	47	1	12			98	KHI	Russian
2	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	62-63	2	17			65	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	49-50	2	8			74	KHI	Vietnamese
4	PHẠM VĂN LẬP	RP3						62	KHI	Vietnamese
5	PHẠM BÌNH NAM	RP3	46	1	8			60	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	48	1	5			74	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	56	1	5			73	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG NAM	RP3						86	KHI	Vietnamese
9	HOANG VĂN CHIẾN	RP3	51	1	3			72	KHI	Vietnamese
10	PHẠM DUY DỪNG	RP3						81	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NAM	RP3	52-53	2	11			65	KHI	Vietnamese
12	VŨ NGỌC TUÂN	RP3	57-58	2	10			85	KHI	Vietnamese
13	TẠ PHI KHANH	RP3	55	1	9			77	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUƠNG	RP3	54	1	9			75	KHI	Vietnamese
15	VŨ TRUNG KIẾN	RP3	61	1	15			82	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	45	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG XUÂN HÙNG	RP3	59-60	2	35			69	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH CÔNG	RP3	44	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH TUÂN	RP3	64	1	5			88	ANTOAN	Vietnamese
20	ĐO VĂN THAI	CLO	34-35	2	21	1	10	70	DVL	Vietnamese
21	DƯƠNG TRUNG KIẾN	CLO	33	1	10			61	DVL	Vietnamese
22	ĐINH VIỆT DỪNG	CLO	36	1	7			62	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	19	1.432	21	163	0	0	6		
2	CLO	3	193	4	38	1	10	3		
3	PPD	0	0	0	0	1	8	7		
TOTAL		22	1.625	25	201	2	18	16		
WEIGHT KG			1.625		201		18			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2024		TO: AMD - TGTH4				AIRCRAFT: 426				ETD: 10:00	
FLIGHT: 6		FROM: VT				CREW: CHIÊN - HTRUNG -				ETA: 11:50	
VANG-2						DTUNG					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION	
						PCS	Kg				
1	TRAN NAM TRUNG	AMD	38	1	4	1	7	71	HIJOC	Vietnamese	
2	DUONG CHI PHONG	AMD	34	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese	
3	TRINH VAN PHIA	AMD	37	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese	
4	NGUYEN ANH DUNG	AMD	35-36	2	4			68	KH-THAC	Vietnamese	
5	TRAN TRUNG KIEN	AMD	31	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese	
6	HOANG VAN SAU	AMD	42	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese	
7	PHAM VAN QUANG	AMD	45	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese	
8	TRAN HUU DANG	AMD	46	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese	
9	LE ANH MINH	AMD	48	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese	
10	DOAN VAN THUONG	AMD	39	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese	
11	PHAM VAN QUAN	AMD	44	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese	
12	NGUYEN VAN DAN	AMD	47	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese	
13	TRAN DUC TRUNG	AMD	41	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese	
14	LA NGOC MANH	AMD	43	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese	
15	DOAN QUOC VIET	AMD	40	1	7			93	KH-THAC	Vietnamese	
16	NGUYEN THANH TUAN	AMD	32-33	2	14			66	KH-THAC	Vietnamese	
17	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	81-82	2	12			90	KH-THAC	Vietnamese	
18	LE VAN TU	TGTH4	83-84	2	13			60	KH-THAC	Vietnamese	
19	NGUYEN DINH CU	TGTH4	77-78	2	20			57	KH-THAC	Vietnamese	
20	TRAN VAN KHANH	TGTH4	80	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese	
21	NGUYEN KHAC TOAN	TGTH4	79	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese	
22	DAO CONG BINH	TGTH4	75	1	10	1	14	64	KH-THAC	Vietnamese	

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	16	1.103	18	78	1	7	16		
2	TGTH4	6	400	9	65	1	14	6		
TOTAL		22	1.503	27	143	2	21	22		
WEIGHT KG			1.503		143		21			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HOÀI XTRƯỜNG	ETA: 14:40
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN QUANG	T.UNG	18-19	2	13	1	20	68	MERMAID	Vietnamese
2	LÊ TRƯỜNG HẬU	T.UNG	02-03	2	20			80	MERMAID	Vietnamese
3	LÊ TUẤN AN	T.UNG	09	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	07	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	20	1	3			90	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	04	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO DUY TÚ	T.UNG	05	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	10-11	2	8			84	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CƯỜNG	T.UNG						71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	12	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY DƯ	T.UNG	13-14	2	15			92	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG						64	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	15	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG VĂN MẠNH	T.UNG	16-17	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU VIỆT	T.UNG	300	1	6			68	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG THANH	T.UNG	08	1	8			69	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY KHANH	T.UNG	01	1	7			76	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	17	1.245	20	132	1	20	19		
TOTAL		17	1.245	20	132	1	20	19		
WEIGHT KG			1.245		132		20			

GRAND TOAL: 1.397 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2024	TO: AMD - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: DUONG - ĐNAM - TOAN	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRƯỜNG VĂN BA	AMD	50-51	2	14			67	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ XUÂN TUÂN	AMD	55-56	2	19			62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TRẠI	AMD	53-54	2	14			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ VĂN BẠC	AMD	57	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ TRI HÙNG	AMD	61	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
6	DUƠNG MẠNH PHÚ	AMD	58	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	59	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM ANH TUÂN	AMD	62-63	2	15			62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	60	1	3			64	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN TÂN VƯỢNG	AMD	52	1	6			68	PSV	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	79	1	4			80	KHI	Vietnamese
12	DOÀN THANH CÔNG	P4	72	1	8	2	40	75	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	68	1	5			60	KHI	Vietnamese
14	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	78	1	6			60	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	P4						78	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	73	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	77	1	5			67	KHI	Vietnamese
18	LÊ TRUNG LÂM	P4						71	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	80	1	3			65	KHI	Vietnamese
20	LÊ HỮU ĐẠT	P4	71	1	9			75	KHI	Vietnamese
21	LÂM MINH CHIẾN	P4	70	1	6			60	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU THUYẾT	P4	69	1	6			67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	10	679	14	108	0	0	1		
2	P4	12	822	10	57	2	40	18		
TOTAL		22	1.501	24	165	2	40	19		
WEIGHT KG			1.501		165		40			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2024	TO: VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - ĐNAM - TOAN	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VIỆT TÙNG	VSP01	82-83	2	17			65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG HÀ	VSP01	637	1	6	3	45	75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẦN THANH LỢI	VSP01	95	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG PHÚC LƯƠNG	VSP01						80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ THANH TUẤN	VSP01	94	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC LÂN	VSP01						70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÙNG	VSP01	92	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ HAI ĐĂNG	VSP01	80-81	2	17			82	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG MINH TÂM	VSP01	684	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẦN TÂN SANG	VSP01						65	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU DINH LỤC	VSP01	93	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY ĐỒNG	VSP01	96	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẦN THANH HÀ	VSP01	88	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ MINH ĐỨC	VSP01	99,800	2	14			56	PHƯỚC SƠN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HIỀN	VSP01	84	1	11			71	PHƯỚC SƠN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	89-90	2	14			76	PHƯỚC SƠN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THAI	VSP01	91	1	7			63	PHƯỚC SƠN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NAM	VSP01	97-98	2	13			89	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC TỬ	VSP01	87	1	10			75	CODIEN	Vietnamese
20	HÀ MẠNH HOÀNG	VSP01	85-86	2	12			72	CODIEN	Vietnamese
21	MAI ĐÌNH KHANG	VSP01	36	1	12			52	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN TUẤN	VSP01	636	1	7			90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	22	1.567	25	175	3	45	22		
TOTAL		22	1.567	25	175	3	45	22		
WEIGHT KG			1.567		175		45			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN